**Phụ lục I**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số ..... ngày ...... của Bộ trưởng Bộ Tài chính)*

**THỦ TRƯỞNG CQ THUẾ CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**RA QUYẾT ĐỊNH**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

----------- \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_

Số…… *…..ngày……..tháng…….năm……*

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc thanh toán cho ngân hàng thương mại số tiền đã ứng trước để hoàn trả thuế giá trị gia tăng cho người nước ngoài xuất cảnh và phí dịch vụ hoàn thuế ngân hàng thương mại được hưởng**

\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_

CỤC TRƯỞNG CỤC THUẾ ...........................................................................

*- Căn cứ Luật Quản lý thuế số 78/2006/QH10 ngày 29 tháng 11 năm 2006; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều Luật quản lý thuế 21/2012/QH13 ngày 20 tháng 11 năm 2012 và các văn bản hướng dẫn thi hành các Luật này;*

*- Căn cứ Luật thuế giá trị gia tăng số 13/2008/QH12 ngày 3 tháng 6 năm 2008; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thuế giá trị gia tăng số 31/2013/QH13 ngày 19 tháng 6 năm 2013;*

*- Căn cứ Nghị định số 209/2013/NĐ-CP ngày 18/12/2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều Luật thuế giá trị gia tăng;*

*- Căn cứ Thông tư số 72/2014/TT-BTC ngày 30/5/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.*

Xét đề nghị của Ngân hàng……… tại công văn số… ngày….về việc đề nghị thanh toán tiền đã ứng trước để hoàn trả thuế GTGT cho người nước ngoài xuất cảnh và phí dịch vụ hoàn thuế ngân hàng thương mại được hưởng.

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1**. Thanh toán cho ngân hàng thương mại…….(mã số thuế….), ***số tài khoản:........,*** số tiền đã ứng trước để hoàn trả thuế GTGT cho người nước ngoài xuất cảnh và phí dịch vụ hoàn thuế ngân hàng thương mại được hưởng, kỳ đề nghị thanh toán từ ngày...../.../....đến ngày ..../..../... là……..……………đồng

(bằng chữ:......................................................), trong đó:

* Số tiền đã ứng trước để hoàn trả thuế GTGT cho người nước ngoài:……………..đồng .
* Số tiền phí dịch vụ được hưởng: ……………..đồng.

**Điều 2**. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Ngân hàng…………, ...(Trưởng các bộ phận có liên quan của cơ quan thuế) và các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

***Nơi nhận:* THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN THUẾ**

- Như Điều 2; **RA QUYẾT ĐỊNH**

*-* Kho Bạc Nhà nước (để phối hợp); *(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)*

- Cục HQ...(để phối hợp);

- Lưu.., VT

**Phụ lục II**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số /2019/TT-BTC ngày của Bộ trưởng Bộ Tài chính)*

*ĐĂNG KÝ THAM GIA KẾT NỐI VỚI HỆ THỐNG HOÀN THUẾ GTGT CHO NGƯỜI NƯỚC NGOÀI ĐỐI VỚI DOANH NGHIỆP BÁN HÀNG HOÀN THUẾ GTGT CHO NGƯỜI NƯỚC NGOÀI*

**I. Thủ tục đăng ký tham gia kết nối với hệ thống hoàn thuế giá trị gia tăng cho người nước ngoài** (gọi tắt là Hệ thống)**:**

1. Doanh nghiệp được cơ quan thuế công nhận là bán hàng hoàn thuế giá trị gia tăng cho người nước ngoài (sau đây gọi tắt là doanh nghiệp) truy cập cổng thông tin điện tử hải quan (địa chỉ: <http://www.customs.gov.vn>) để thực hiện đăng ký thông tin chi tiết các chỉ tiêu thông tin cần đăng ký được thể hiện tại phụ lục III.

2. Trong thời gian 01 ngày làm việc, cơ quan hải quan kiểm tra nội dung đăng ký của người sử dụng và phản hồi kết quả thông qua cổng thông tin điện tử hải quan:

a) Trường hợp thông tin cung cấp không đầy đủ, không phù hợp cơ quan hải quan sẽ gửi yêu cầu sửa đổi bổ sung thông tin tới người sử dụng;

b) Trường hợp thông tin cung cấp đầy đủ, phù hợp cơ quan hải quan phản hồi cho người sử dụng các thông tin về tài khoản người sử dụng và thông tin kết nối tới Hệ thống;

c) Trường hợp từ chối thông tin đăng ký của người sử dụng, cơ quan hải quan sẽ thông báo rõ lý do từ chối.

3. Sau khi nhận được thông tin phản hồi từ cơ quan hải quan, doanh nghiệp thực hiện:

a) Trường hợp cơ quan hải quan yêu cầu sửa đổi, bổ sung thông tin, người sử dụng sửa đổi, bổ sung thông tin theo yêu cầu và gửi thông tin sau khi sửa đổi tới cơ quan hải quan;

b) Trường hợp cơ quan hải quan chấp nhận thông tin đăng ký, doanh nghiệp đăng nhập cổng thông tin điện tử hải quan để tra cứu kết quả đăng ký thành công và thay đổi mật khẩu truy cập.

**II. Thủ tục sửa đổi, bổ sung thông tin đăng ký sử dụng Hệ thống**

1. Khi sửa đổi, bổ sung thông tin đã đăng ký, người sử dụng đăng nhập vào cổng thông tin điện tử hải quan, thực hiện chức năng sửa thông tin đăng ký và gửi yêu cầu sửa đổi, bổ sung thông tin này đến cơ quan hải quan.

2. Cơ quan hải quan kiểm tra nội dung sửa đổi, bổ sung của doanh nghiệp và phản hồi kết quả theo các trường hợp như nêu tại điểm 2 mục I Phụ lục này.

**III. Thủ tục huỷ hiệu lực thông tin sử dụng Hệ thống**

1. Trường hợp huỷ hiệu lực thông tin đã đăng ký trên Hệ thống, người sử dụng đăng nhập vào cổng thông tin điện tử hải quan, thực hiện chức năng yêu cầu huỷ hiệu lực thông tin đăng ký và gửi yêu cầu huỷ hiệu lực thông tin này tới cơ quan hải quan.

2. Cơ quan hải quan kiểm tra yêu cầu huỷ hiệu lực thông tin đã đăng ký của người sử dụng và phản hồi kết quả kiểm tra tới người sử dụng thông qua cổng thông tin điện tử hải quan.

**Phụ lục III**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số /2019/TT-BTC ngày của Bộ trưởng Bộ Tài chính)*

## CHỈ TIÊU ĐĂNG KÝ THÔNG TIN

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Tên tiêu chí** | **Bắt buộc** | **Danh mục** | **Lặp lại** |
| **I** | **Thông tin chung** | | | |
| 1 | Tên người đại diện | x |  |  |
| 2 | Địa chỉ của cửa hàng, chi nhánh | x |  |  |
| 3 | Mã số thuế của cửa hàng, chi nhánh | x |  |  |
| 4 | Lĩnh vực hoạt động | x | x |  |
| 5 | Số lượng mã số định danh của tổ chức (User Code) | x |  |  |
| 6 | Quyết định về việc công nhận doanh nghiệp bán hàng hoàn thuế GTGT | x |  |  |
| **II** | **Thông tin người thực hiện việc bán hàng hoàn thuế GTGT cho người nước ngoài** | | | |
| 1 | Đơn vị trực thuộc (User Code) | x | x |  |
| 1 | Họ tên | x |  | x |
| 2 | Số chứng minh thư (hoặc hộ chiếu) | x |  | x |
| 3 | Số chứng nhận khai hải quan |  |  | x |
| 4 | Email | x |  | x |
| 5 | Lĩnh vực hoạt động | x | x | x |
| **III** | **Chữ ký số** | | | |
| 1 | Số định danh chứng thư số (Serial Number) | x |  |  |
| 2 | Tên đơn vị cung cấp dịch vụ chứng thư số | x | x |  |
| 3 | Tên người được cấp chứng thư số | x |  |  |
| 4 | Ngày hiệu lực | x |  |  |
| 5 | Ngày hết hiệu lực | x |  |  |
| 6 | Khoá công khai (Public Key) | x |  |  |

## ”

**Phụ lục IV**

## CHỈ TIÊU ĐĂNG KÝ THÔNG TIN

*(Ban hành kèm theo Thông tư số /2019/TT-BTC ngày của Bộ trưởng Bộ Tài chính)*

**DANH MỤC DỮ LIỆU CHUẨN VÀ CÁC CHỈ TIÊU THÔNG TIN ĐẦU VÀO CỦA HỆ THỐNG HOÀN THUẾ GIÁ TRỊ GIA TĂNG CHO NGƯỜI NƯỚC NGOÀI, NGƯỜI VIỆT NAM ĐỊNH CƯ Ở NƯỚC NGOÀI**

**I. Danh mục dữ liệu chuẩn**

|  |  |
| --- | --- |
| **STT** | **Tên danh mục** |
| 1 | Cơ quan hải quan |
| 2 | Cơ quan thuế |
| 3 | Kho bạc Nhà nước |
| 4 | Doanh nghiệp bán hàng hoàn thuế giá trị gia tăng |
| 5 | Loại hình xuất cảnh |
| 6 | Loại hình nhập cảnh |
| 7 | Quốc tịch |
| 8 | Thông tin người mua hàng |
| 9 | Ngân hàng thương mại làm đại lý hoàn thuế giá trị gia tăng |

**II. CÁC CHỈ TIÊU THÔNG TIN HOÀN THUẾ GIÁ TRỊ GIA TĂNG CHO NGƯỜI NƯỚC NGOÀI, NGƯỜI VIỆT NAM ĐỊNH CƯ Ở NƯỚC NGOÀI**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **STT** | **Tên chỉ tiêu** | **Ghi chú** |
| 1 | Số hóa đơn |  |
| 2 | Ký hiệu hóa đơn |  |
| 3 | Ngày hóa đơn |  |
| 4 | Loại hình nhập cảnh |  |
| 5 | Loại hình xuất cảnh |  |
| **Thông tin doanh nghiệp bán hàng** | | |
| 6 | Tên đơn vị bán hàng |  |
| 7 | Mã số thuế |  |
| 8 | Địa chỉ |  |
| 9 | Số điện thoại | Thông tin này được lấy từ cơ quan thuế |
| 10 | Email | Thông tin này được lấy từ cơ quan thuế |
| 11 | Đại diện |  |
| **Thông tin người mua hàng** | | |
| 12 | Số hộ chiếu/ Giấy tờ nhập xuất cảnh |  |
| 13 | Quốc tịch |  |
| 14 | Họ và tên |  |
|  | Ngày tháng năm sinh |  |
| 15 | Ngày cấp hộ chiếu |  |
| 16 | Ngày hết hạn hộ chiếu |  |
| 17 | Nước xuất cảnh |  |
| **Thông tin hàng hóa** | | |
| 18 | STT |  |
| 19 | Tên hàng hóa | bao gồm nhãn hiệu, ký hiệu hàng hóa (số seri, model (nếu có), số máy áp dụng đối với mặt hàng cơ khí điện tử. |
| 20 | Xuất xứ hàng hóa(đối với hàng hóa có nguồn gốc nhập khẩu) |  |
| 21 | Đơn vị tính |  |
| 22 | Số lượng |  |
| 23 | Đơn giá |  |
| 24 | Thành tiền |  |
| 25 | Tổng tiền hàng |  |
| 26 | Thuế suất |  |
| 27 | Tiền thuế GTGT |  |
| 28 | Tổng cộng tiền thanh toán |  |
| 29 | Số tiền bằng chữ |  |
| **Thông tin cán bộ hải quan nhập liệu để xác nhận hóa đơn hoàn thuế** | | |
| 30 | Số lượng hàng hóa người nước ngoài ký gửi | Số lượng hàng hóa người nước ngoài gửi tại khu ký gửi |
| 31 | Số lượng hàng hóa người nước ngoài mang theo vào khu cách ly (xách tay) |  |
| 32 | Tổng số lượng hàng hoàn thuế |  |
| 33 | Số tiền người nước ngoài được hoàn |  |
| 34 | Đối chiếu với thông tin của cơ quan thuế về doanh nghiệp bán hàng hoàn thuế |  |
| 35 | Xác nhận hoàn thuế | Chọn 1 trong 2 lựa chọn  - Chấp nhận hoàn thuế;  - Không chấp nhận hoàn thuế |
| 36 | Từ chối hoàn thuế | Nếu chọn “Không chấp nhận hoàn thuế” cần nêu rõ lý do từ chối |
| 37 | Ngày giờ xác nhận hoàn thuế |  |
| 38 | Nhập âm số tiền hoàn thuế | Trong trường hợp hóa đơn giá trị gia tăng kiêm tờ khai hoàn thuế đã được xác nhận hoàn nhưng khách hàng lại mang hàng trở lại Việt Nam |
| 39 | Truyền hóa đơn đã xác nhận đủ điều kiện hoàn thuế cho ngân hàng thương mại |  |
| 40 | Truyền thông tin xác nhận việc đã hoàn thuế của ngân hàng thương mại cho cơ quan thuế |  |
| **Thông tin ngân hàng thương mại là đại lý hoàn thuế nhập liệu** | | |
| 41 | Nhập số hiệu, ngày tháng chuyến bay/ chuyến tàu của người nước ngoài xuất cảnh |  |
| 42 | Số tiền thuế hoàn cho người nước ngoài xuất cảnh |  |
| 43 | Ngày giờ hoàn thuế |  |
| 44 | Tổng số lượng hàng hoàn thuế |  |
| 45 | Số tiền người nước ngoài được hoàn |  |
| 46 | Xác nhận hoàn thuế | Chọn 1 trong 2 lựa chọn  - Chấp nhận hoàn thuế;  - Không chấp nhận hoàn thuế |
| 47 | Từ chối hoàn thuế | Nếu chọn “Không chấp nhận hoàn thuế” cần nêu rõ lý do từ chối |
| 48 | Truyền thông tin hóa đơn đã hoàn thuế cho cơ quan hải quan |  |
| 49 | Truyền thông tin hóa đơn đã hoàn thuế cho cơ quan thuế |  |
| 50 | Đề nghị đối chiếu với cơ quan hải quan về số tiền thuế đã hoàn |  |
| 51 | Truyền thông tin hóa đơn đã có xác nhận của cơ quan hải quan cho cơ quan thuế, Kho bạc Nhà nước |  |
| 52 | Nhập số tiền thuế GTGT đã ứng trước truyền cho cơ quan thuế và Kho bạc Nhà nước |  |
| **Thông tin cơ quan thuế** | | |
| 53 | Cập nhật, nhập danh sách doanh nghiệp bán hàng hoàn thuế GTGT cho người nước ngoài |  |
| 54 | Thông tin doanh nghiệp bán hàng điều chỉnh |  |
| 55 | Quyết định về việc thanh toán cho ngân hàng thương mại | - Số quyết định  - Số tiền thanh toán |
| **Thông tin Kho bạc Nhà nước** | | |
| 56 | Truyền thông tin đã thanh toán tiền ứng trước cho ngân hàng thương mại và cơ quan thuế |  |

## ”

**HƯỚNG DẪN CÁCH GHI VỀ TIÊU THỨC TRÊN HÓA ĐƠN KIÊM TỜ KHAI HOÀN THUẾ GIÁ TRỊ GIA TĂNG BAN HÀNH THEO PHỤ LỤC 3 THÔNG TƯ SỐ 72/2014/TT-BTC**

|  |  |
| --- | --- |
| **Tiêu thức** | **Nội dung hướng dẫn cụ thể** |
| Liên 1, Phần A, Thông tin về khách hàng | |
| Tên hàng hóa | Doanh nghiệp bán hàng hoàn thuế GTGT cho người nước ngoài ghi cụ thể:  - Tên hàng hóa;  - Nhãn hiệu;  - Ký hiệu hàng hóa: số seri, model (nếu có), xuất xứ hàng hóa áp dụng đối với hàng hóa có nguồn gốc nhập khẩu  - Số máy đối với mặt hàng đồng hồ |